

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÌM SƠN

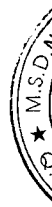
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thanh Hóa, tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Sỹ Túc	Chủ tịch
Ông Trần Văn Chương	Ủy viên
Ông Tạ Duy	Ủy viên
Ông Mai Việt Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Kiệm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Chương	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tịnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

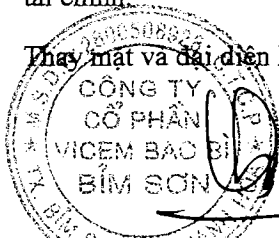
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Văn Chương
Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Số: 28/2018/BCKT -AVI- TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2018, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Phương

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán 0308-2018-055-1

Đoàn Thu Hằng

Kiểm toán viên

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán 1396-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		246.862.889.446	205.728.656.680
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		24.824.612.413	9.991.437.503
1. Tiền	111	5	24.824.612.413	9.991.437.503
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.546.712.550	2.637.036.200
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4.997.454.550	4.997.454.550
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.450.742.000)	(2.360.418.350)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		194.525.975.564	166.783.428.179
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	194.322.855.213	166.831.858.813
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		55.000.000	55.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	314.270.351	143.299.366
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(166.150.000)	(246.730.000)
IV. Hàng tồn kho	140	10	24.920.154.598	26.198.509.382
1. Hàng tồn kho	141		24.920.154.598	26.198.509.382
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.434.321	118.245.416
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	24.220.773
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	71.222.011
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	45.434.321	22.802.632
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.249.049.517	8.229.072.873
I. Tài sản cố định	220		5.249.049.517	8.229.072.873
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.249.049.517	8.229.072.873
- Nguyên giá	222		110.047.827.280	109.670.519.152
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.798.777.763)	(101.441.446.279)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		252.111.938.963	213.957.729.553

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

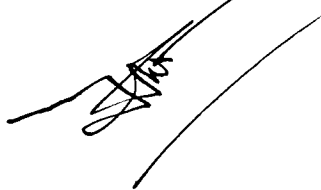
MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		149.053.780.669	114.802.494.900
I. Nợ ngắn hạn	310		149.053.780.669	114.802.494.900
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	51.118.020.958	41.004.788.125
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.389.090.741	919.159.256
3. Phải trả người lao động	314		7.888.928.598	9.654.484.292
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	810.340.738	354.902.333
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	851.553.548	760.520.982
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	86.900.000.000	60.000.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		95.846.086	2.108.639.912
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.058.158.294	99.155.234.653
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	103.058.158.294	99.155.234.653
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.590.000.000	4.590.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		46.365.232.779	39.644.232.779
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.102.925.515	16.921.001.874
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		14.102.925.515	16.921.001.874
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		252.111.938.963	213.957.729.553

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Người lập

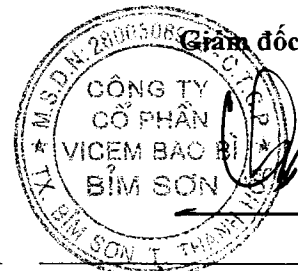


Nguyễn Đình Huy

Kế toán trưởng



Mai Viết Dụng



Trần Văn Chương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

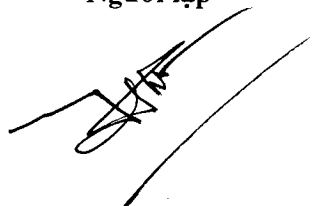
MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết		Năm 2017	Năm 2016
	Mã số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	333.450.379.318	330.654.141.165
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	5.588.665	6.229.480
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	333.444.790.653	330.647.911.685
4. Giá vốn hàng bán	11	20	286.287.483.234	278.824.260.510
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.157.307.419	51.823.651.175
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	123.077.029	62.167.660
7. Chi phí tài chính	22	22	4.852.167.513	2.849.536.792
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.760.690.380	3.132.534.443
8. Chi phí bán hàng	25	23	5.981.019.663	5.592.735.708
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	19.111.590.149	22.140.569.532
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.335.607.123	21.302.976.803
11. Thu nhập khác	31	24	403.246.815	67.829.181
12. Chi phí khác	32	25	64.492.742	164.192.113
13. Lợi nhuận khác	40		338.754.073	(96.362.932)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.674.361.196	21.206.613.871
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3.571.435.681	4.285.611.997
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.102.925.515	16.921.001.874
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	3.711	3.269

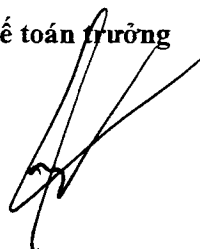
Thanh Hóa, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Người lập



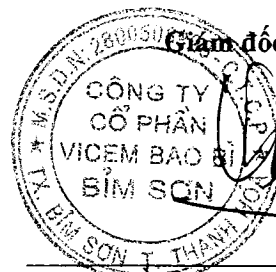
Nguyễn Đình Huy

Kế toán trưởng



Mai Việt Dung

Giám đốc



Trần Văn Chương

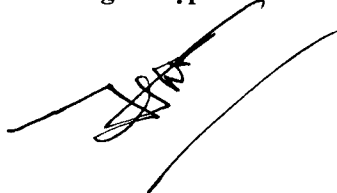
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.674.361.196	21.206.613.871
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.770.650.629	10.536.618.935
- Các khoản dự phòng	03	9.743.650	(285.332.900)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(158.214.135)	(62.057.326)
- Chi phí lãi vay	06	4.760.690.380	3.132.534.443
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	26.057.231.720	34.528.377.023
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(27.589.156.290)	(20.498.700.136)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.278.354.784	(7.468.942.568)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	9.059.547.748	9.504.500.449
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	(1.980.773)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.720.371.975)	(3.109.162.221)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.415.310.289)	(4.386.272.837)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.512.795.700)	(1.583.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	(5.842.500.002)	6.984.018.937
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(790.627.273)	(1.163.709.747)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản	22	35.454.545	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	122.759.590	62.057.326
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(632.413.138)	(1.101.652.421)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	209.113.000.000	152.600.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(182.213.000.000)	(145.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.591.911.950)	(4.459.714.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	21.308.088.050	3.140.285.800
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	14.833.174.910	9.022.652.316
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.991.437.503	968.785.187
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	24.824.612.413	9.991.437.503

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Người lập



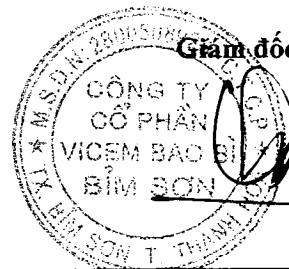
Nguyễn Đình Huy

Kế toán trưởng



Mai Viết Dung

Giám đốc



Trần Văn Chương

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn hoạt động theo các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 07/06/1999; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 02 số 2800508928 ngày 25/11/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BPC.

Trụ sở chính của Công ty tại phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Kinh doanh các loại bao bì từ nhựa, giấy;
- Xuất nhập khẩu bao bì các loại, thiết bị, vật tư và phụ tùng sản xuất bao bì.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Chứng khoán kinh doanh

Phản ánh giá trị các cổ phiếu Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Cổ tức được chia cho giai đoạn sau ngày chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, riêng cổ tức nhận được bằng cổ phiếu do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để phát hành thêm cổ phiếu (chia cổ tức bằng cổ phiếu), Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của chứng được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về các khoản chi phí thực tế phải trả, số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Lãi tiền vay; trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép và các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả khác trong đó:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả khác được ghi nhận dựa trên số tiền thực tế phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong năm nhưng chưa có hóa đơn tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi và cổ tức, lợi nhuận được chia... Cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay như phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	194.735.100	118.265.100
Tiền gửi ngân hàng	24.629.877.313	9.873.172.403
Cộng	<u>24.824.612.413</u>	<u>9.991.437.503</u>

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chứng khoán kinh doanh

	Tại ngày 31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Bim Sơn	290.400	174.800	115.600
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân	840.000	313.600	526.400
Cổ phiếu Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	286.500.000	50.400.000	236.100.000
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	2.952.000.000	738.000.000	2.214.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.757.824.150	2.276.473.200	-
Cộng	<u>4.997.454.550</u>	<u>3.065.361.600</u>	<u>2.450.742.000</u>

	Tại ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Bim Sơn	290.400	290.400	-
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân	840.000	490.000	350.000
Cổ phiếu Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	286.500.000	16.050.000	270.450.000
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	2.952.000.000	1.134.000.000	1.818.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.757.824.150	1.486.205.800	271.618.350
Cộng	<u>4.997.454.550</u>	<u>2.637.036.200</u>	<u>2.360.418.350</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Son	152.530.923.435	143.582.530.605
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	10.124.853.910	3.570.650.838
Các khách hàng khác	31.667.077.868	19.678.677.370
Cộng	194.322.855.213	166.831.858.813

Trong đó, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Son là bên liên quan của Công ty.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	32.063.700	-	23.866.900	-
Các khoản phải thu khác	282.206.651	-	119.432.466	-
Cộng	314.270.351	-	143.299.366	-

9. NỢ XẤU

	Tại ngày 31/12/2017			
	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
	Công ty TNHH Hà Thịnh	Trên 3 năm	166.150.000	-
Cộng		166.150.000	-	166.150.000

	Tại ngày 01/01/2017			
	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
	Công ty TNHH Hà Thịnh	Trên 3 năm	246.730.000	-
Cộng		246.730.000	-	246.730.000

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.015.068.858	-	8.561.771.144	-
Công cụ, dụng cụ	132.753.243	-	145.306.852	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.613.228.547	-	7.774.399.838	-
Thành phẩm	7.159.103.950	-	9.448.091.911	-
Hàng hoá	-	-	268.939.637	-
Cộng	24.920.154.598	-	26.198.509.382	-

Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, kém mất phẩm chất tại thời điểm cuối năm.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	22.881.691.678	79.679.719.026	6.112.559.539	996.548.909	109.670.519.152
Mua trong năm	-	-	790.627.273	-	790.627.273
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(413.319.145)	-	(413.319.145)
Tại ngày 31/12/2017	22.881.691.678	79.679.719.026	6.489.867.667	996.548.909	110.047.827.280
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	18.153.440.865	78.034.418.582	4.782.214.513	471.372.319	101.441.446.279
Khấu hao trong năm	1.507.865.189	1.496.939.577	537.644.221	228.201.642	3.770.650.629
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(413.319.145)	-	(413.319.145)
Tại ngày 31/12/2017	19.661.306.054	79.531.358.159	4.906.539.589	699.573.961	104.798.777.763
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	4.728.250.813	1.645.300.444	1.330.345.026	525.176.590	8.229.072.873
Tại ngày 31/12/2017	3.220.385.624	148.360.867	1.583.328.078	296.974.948	5.249.049.517
Nguyên giá TSCĐ hết KH vẫn sử dụng	10.375.578.772	75.375.554.923	2.912.216.652	165.901.273	88.829.251.620

Tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Công ty được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bim Son.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đông Á	-	-	10.853.298.100	10.853.298.100
Công ty CP giấy Việt Nga	-	-	5.673.487.084	5.673.487.084
Công ty CP giấy Việt Pháp	5.265.151.227	5.265.151.227	4.479.382.380	4.479.382.380
Công ty TNHH XNK Trung Mỹ	9.023.448.529	9.023.448.529	5.216.062.500	5.216.062.500
Công ty CP Bao bì Đồng Phú	-	-	7.718.180.790	7.718.180.790
Công ty Cổ phần nhựa và môi trường Xanh An Phát	6.098.400.000	6.098.400.000	-	-
Công ty TNHH Đông Á Bắc Ninh	8.502.805.480	8.502.805.480	-	-
Công ty Hoàn Hảo - (TNHH)	6.742.439.231	6.742.439.231	-	-
Các nhà cung cấp khác	15.485.776.491	15.485.776.491	7.064.377.271	7.064.377.271
Cộng	51.118.020.958	51.118.020.958	41.004.788.125	41.004.788.125

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	7.188.520.578	6.874.714.485	313.806.093
Thuế thu nhập doanh nghiệp	919.159.256	3.571.435.681	3.415.310.289	1.075.284.648
Thuế thu nhập cá nhân	(22.802.632)	344.662.429	367.294.118	(45.434.321)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	137.825.232	137.825.232	-
Các loại thuế khác	-	15.028.185	15.028.185	-
Cộng	896.356.624	11.257.472.105	10.810.172.309	1.343.656.420
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	22.802.632			45.434.321
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	919.159.256			1.389.090.741

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lãi vay	97.681.738	57.363.333
Các khoản khác	712.659.000	297.539.000
Cộng	810.340.738	354.902.333

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	37.156.087	25.000.044
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	105.578.806	104.078.756
Các khoản phải trả, phải nộp khác	708.818.655	631.442.182
Cộng	851.553.548	760.520.982

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÌM SƠN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MÀU SỐ B09 - DN****16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả	Vay	Trả nợ	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
1. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	71.500.000.000	71.500.000.000	144.300.000.000	132.800.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	15.400.000.000	15.400.000.000	64.813.000.000	49.413.000.000	-	-
Cộng	86.900.000.000	86.900.000.000	209.113.000.000	182.213.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000

- (1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 300058024/2017-HĐTDHM/NHCT424 - VICEM BAOBI ngày 10/01/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn. Hạn mức cho vay tối đa là 60 tỷ đồng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo công bố của ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo là nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị theo 02 (hai) hợp đồng thế chấp tài sản số 08.009.0207.MMTB/HĐTC ngày 07/07/2008 và hợp đồng số 08.009.0207.NX/HĐTC ngày 07/07/2008.
- (2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/295834/HĐTD ngày 20/12/2017 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn. Hạn mức cho vay tối đa là 30 tỷ đồng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo công bố của ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo là nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị theo 02 (hai) hợp đồng thế chấp tài sản số 01/10/HĐ ngày 05/08/2010 và hợp đồng số 01/11/HĐ ngày 19/08/2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÌM SƠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	38.000.000.000	4.590.000.000	37.260.002.161	10.520.576.546	90.370.578.707
Lãi trong năm	-	-	-	16.921.001.874	16.921.001.874
Trích lập các quỹ	-	-	2.384.230.618	(5.960.576.546)	(3.576.345.928)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.560.000.000)	(4.560.000.000)
Tại ngày 01/01/2017	38.000.000.000	4.590.000.000	39.644.232.779	16.921.001.874	99.155.234.653
Lãi trong năm	-	-	-	14.102.925.515	14.102.925.515
Trích lập các quỹ	-	-	6.721.000.000	(11.221.001.874)	(4.500.001.874)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Tại ngày 31/12/2017	38.000.000.000	4.590.000.000	46.365.232.779	14.102.925.515	103.058.158.294

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	18.620.000.000	18.620.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	19.380.000.000	19.380.000.000
Cộng	38.000.000.000	38.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Phân phối lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	16.921.001.874	10.520.576.546
Lợi nhuận phát sinh trong năm	14.102.925.515	16.921.001.874
Phân phối lợi nhuận	16.921.001.874	10.520.576.546
- Trích quỹ đầu tư phát triển	6.721.000.000	2.384.230.618
- Trích quỹ thưởng ban điều hành	500.000.000	450.000.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.000.001.874	3.126.345.928
- Chia cổ tức	5.700.000.000	4.560.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	14.102.925.515	16.921.001.874

Trong năm 2017, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 331/NQ-BBBS ngày 24/4/2017.

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại		
USD	90,09	90,09
Nợ khó đòi đã xử lý	943.674.000	943.674.000
Công ty TNHH TMDL & XNK Thanh Long	373.360.000	373.360.000
Công ty Cổ phần Hà Anh	45.000.000	45.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bắc Kạn	505.010.000	505.010.000
Công ty Cổ phần Xi măng Việt Trung	20.304.000	20.304.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÌM SON**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	333.450.379.318	330.654.141.165
Doanh thu bán thành phẩm vỏ bao	332.057.070.580	329.921.661.280
Doanh thu bán sản phẩm khác	1.393.308.738	732.479.885
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.588.665	6.229.480
Hàng bán bị trả lại	5.588.665	6.229.480
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>333.444.790.653</u>	<u>330.647.911.685</u>

Doanh thu với các bên liên quan

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Son	174.719.941.480	230.716.940.480

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm vỏ bao	285.787.454.598	278.824.260.510
Giá vốn khác	500.028.636	-
Cộng	<u>286.287.483.234</u>	<u>278.824.260.510</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.197.390	31.002.326
Cổ tức, lợi nhuận được chia	105.562.200	31.055.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	317.439	110.334
Cộng	<u>123.077.029</u>	<u>62.167.660</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.760.690.380	3.132.534.443
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	90.323.650	(285.332.900)
Chi phí tài chính khác	1.153.483	2.335.249
Cộng	<u>4.852.167.513</u>	<u>2.849.536.792</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	19.111.590.149	22.140.569.532
Chi phí nhân viên quản lý	6.521.537.950	7.491.020.649
Chi phí vật liệu quản lý	465.028.613	449.526.504
Chi phí đồ dùng văn phòng	338.630.910	894.680.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.443.847.528	1.305.957.790
Thuế, phí và lệ phí	557.899.405	487.637.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.448.907.808	2.546.922.248
Chi phí bằng tiền khác	7.416.317.935	9.138.198.323
Chi phí dự phòng	(80.580.000)	(173.374.900)
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	5.981.019.663	5.592.735.708
Chi phí vận chuyển	4.633.303.210	3.786.945.617
Chi phí bằng tiền khác	1.347.716.453	1.805.790.091

24. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	35.454.545	-
Các khoản khác	367.792.270	67.829.181
Cộng	403.246.815	67.829.181

25. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	54.432.742	82.444.677
Các khoản khác	10.060.000	81.747.436
Cộng	64.492.742	164.192.113

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	231.623.251.903	226.678.688.905
Chi phí nhân công	31.911.798.940	32.216.897.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.770.650.628	10.536.618.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.425.119.122	28.162.400.572
Chi phí khác bằng tiền	16.581.125.491	16.279.222.415
Cộng	308.311.946.084	313.873.828.102

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	17.674.361.196	21.206.613.871
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	182.817.211	221.446.112
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(105.562.200)	(31.055.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	288.379.411	252.501.112
Thu nhập chịu thuế	17.857.178.407	21.428.059.983
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.571.435.681	4.285.611.997

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.102.925.515	16.921.001.874
Các khoản điều chỉnh		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	4.500.001.874
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.102.925.515	12.421.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.800.000	3.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.711	3.269

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 đã được trình bày lại sau khi loại trừ đi khoản lợi nhuận đã được dùng để trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty

Biên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	- Cổ đông sở hữu 49% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	- Cùng thành viên Ban Điều hành

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	-	2.203.102.906
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	500.087.000	457.470.000
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	2.793.000.000	2.234.400.000

Thu nhập của Ban điều hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng quản trị	511.702.000	511.702.000
Thù lao Hội đồng quản trị	342.000.000	342.000.000
Các khoản khác	169.702.000	169.702.000
Ban Giám đốc	804.211.279	645.011.385
Lương	804.211.279	645.011.385
Cộng	1.315.913.279	1.156.713.385

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.824.612.413	9.991.437.503
Phải thu khách hàng và phải thu khác	194.438.911.864	145.611.124.603
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.546.712.550	2.637.036.200
Cộng	221.810.236.827	158.239.598.306
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	86.900.000.000	60.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	51.932.418.419	32.665.481.897
Chi phí phải trả	810.340.738	354.902.333
Cộng	139.642.759.157	93.020.384.230

Ngoài việc thực hiện các biện pháp dự phòng rủi ro theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính đối với các khoản phải thu khó đòi, các khoản đầu tư bị tổn thất, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2017.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2017 là 166.150.000 đồng (tại ngày 01/01/2017 là 246.730.000 đồng).

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát được tương ứng với nguồn vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận và được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2017			
Các khoản vay	86.900.000.000	-	86.900.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	51.932.418.419	-	51.932.418.419
Chi phí phải trả	810.340.738	-	810.340.738
Tại 01/01/2017			
Các khoản vay	60.000.000.000	-	60.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	32.665.481.897	-	32.665.481.897
Chi phí phải trả	354.902.333	-	354.902.333

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.824.612.413	-	24.824.612.413
Phải thu khách hàng và phải thu khác	194.438.911.864	-	194.438.911.864
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.546.712.550	-	2.546.712.550
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.991.437.503	-	9.991.437.503
Phải thu khách hàng và phải thu khác	145.611.124.603	-	145.611.124.603
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.637.036.200	-	2.637.036.200

Đầu tư tài chính ngắn hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 là đầu tư vào các chứng khoán sẵn sàng để bán. Ban giám đốc Công ty đánh giá rằng có thể thanh lý các khoản đầu tư này tại bất kỳ thời điểm nào, do đó phân loại khoản đầu tư này là tài sản tài chính phi phái sinh có thời gian thanh khoản ngắn hạn.

31. THÔNG TIN KHÁC

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2017, Công ty đã thực hiện các thủ tục để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm mục đích đầu tư dây chuyền sản xuất vỏ bao PP dán đáy, đồng thời đã tiến hành lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án. Tuy nhiên, qua phân tích nghiên cứu và khảo sát thị trường đối với sản phẩm bao PP dán đáy, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy khi sử dụng vỏ bao PP dán đáy lưu thông trên thị trường chưa được đại đa số người tiêu dùng chấp nhận, do đó ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của các nhà máy Xi măng nên các Công ty sản xuất Xi măng đã dừng hoặc sử dụng rất ít đối với sản phẩm vỏ bao PP dán đáy. Theo đó, tại Nghị quyết số 885/NQ-HĐQT ngày 23/10/2017, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định tạm dừng triển khai dự án đầu tư dây chuyền sản xuất vỏ bao PP dán đáy do xét thấy việc đầu tư vào thời điểm này là chưa phù hợp và hiệu quả. Đồng thời cũng tạm dừng việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Hội đồng quản trị giao Ban điều hành tiếp tục nghiên cứu đánh giá thị trường và sẽ xem xét quyết định thời điểm đầu tư phù hợp. Việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ sẽ được xem xét khi triển khai thực hiện dự án đầu tư dây chuyền sản xuất vỏ bao PP dán đáy.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

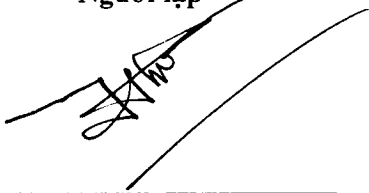
Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Người lập



Nguyễn Đình Huy

Kế toán trưởng



Mai Việt Dung



Trần Văn Chương